

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ AN KHÊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 132/NQ-HĐND

An Khê, ngày 20 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư thuộc nguồn vốn
ngân sách địa phương năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 82/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương; số 112/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc kéo dài kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn ngân sách địa phương sang năm 2022 tiếp tục thực hiện và giải ngân; số 161/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai: số 893/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2021 về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1); số 603/QĐ-UBND 04 tháng 10 năm 2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (bao gồm cả phần vốn kéo dài năm 2021 sang năm 2022) nguồn ngân sách địa phương;

Thực hiện Văn bản số 761/UBND-KTTH ngày 19 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về việc thông báo danh mục, mức vốn của các dự án nguồn vốn ngân sách địa phương thuộc kế hoạch năm 2021 được kéo dài sang năm 2022 tiếp tục thực hiện và giải ngân;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thị xã: số 85/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc quyết định kế hoạch đầu tư và phân bổ vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022, số 94/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách thị xã năm 2022; số 118/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2022 về kế hoạch sử dụng vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách thị xã;

Xét đề nghị của UBND thị xã tại Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư thuộc nguồn ngân sách địa phương của thị xã An Khê; cụ thể:

Điều chỉnh khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND thị xã về việc quyết định kế hoạch đầu tư và phân bổ vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách địa phương năm 2022 và phụ lục kèm theo; Khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 20/5/2022 của HĐND thị xã về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách thị xã năm 2022 và phụ lục kèm theo; cụ thể:

1. Kế hoạch vốn đầu tư điều chỉnh giảm: 56.301,583 triệu đồng; bao gồm:
 - Tiền sử dụng đất giảm 56.300 triệu đồng.
 - Tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi giảm 1,583 triệu đồng.
2. Chi tiết kế hoạch vốn theo ngành lĩnh vực
 - a) Nguồn vốn trong cân đối theo tiêu chí từ ngân sách tỉnh phân cấp đầu tư: 23.074 triệu đồng:
 - Điều chỉnh giảm:
 - + Vốn chuẩn bị đầu tư giảm 400 triệu đồng.
 - + Lĩnh vực giao thông giảm 544,807 triệu đồng.
 - Điều chỉnh tăng
 - + Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tăng 115,710 triệu đồng.
 - + Lĩnh vực thủy lợi tăng 18,777 triệu đồng.
 - + Bảo vệ môi trường bổ sung 810,320 triệu đồng.
 - b) Nguồn tiền sử dụng đất giảm 56.300 triệu đồng:
 - Điều chỉnh giảm:
 - + Vốn chuẩn bị đầu tư giảm 800 triệu đồng.
 - + Lĩnh vực quốc phòng giảm 176,462 triệu đồng.
 - + Lĩnh vực công nghiệp giảm 8.796,675 triệu đồng.
 - + Lĩnh vực giao thông giảm 19.349 triệu đồng.
 - + Công trình công cộng giảm 9.322 triệu đồng.
 - + Lĩnh vực bảo vệ môi trường giảm 810,320 triệu đồng.
 - + Các nhiệm vụ quy hoạch giảm 3.795,969 triệu đồng.

+ Các nhiệm vụ khác giảm 16.684,651 triệu đồng; bao gồm:

+) Nộp trả tiền ứng quỹ phát triển đất các năm 2020-2021 giảm 16.402,651 triệu đồng.

+) Trích nộp tỉnh 10% tiền đất thực hiện dự án đo đạc tổng thể lập cơ sở dữ liệu địa chính (năm 2021 chưa nộp đủ) giảm 282 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng các nhiệm vụ khác: 3.435,077 triệu đồng; bao gồm:

+ Đền bù giải phóng mặt bằng tăng 2.083,077 triệu đồng.

+ Trích 80% số thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn các xã để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022: Bổ sung 1.352 triệu đồng.

c) Nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi giảm 1,583 triệu đồng.

(Chi tiết điều chỉnh theo phụ lục kèm theo)

Vốn hỗ trợ các xã thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 trích 80% số thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn các xã: Căn cứ khoản 5 Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Chủ tịch UBND các xã phê duyệt đầu tư dự án gửi UBND thị xã phân bổ kế hoạch vốn chi tiết danh mục các dự án theo tiến độ thu thực tế đạt được trong năm.

Các dự án giãn hoãn tiến độ giao UBND thị xã điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và bố trí vốn triển khai hoàn thành dự án trong năm 2023.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân thị xã theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các xã, phường có liên quan tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Khóa XIII - Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường vụ Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- UBND, UBMTTQVN thị xã;
- Các cơ quan, ban, ngành thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT. *ku*



CHỦ TỊCH

[Handwritten signature in blue ink]

Đinh Văn Cường

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã An Khê)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT			Vốn giảm	Vốn tăng		
	TỔNG SỐ				266.000,337	125.859,000	69.557,417	67.890,305	11.588,722		
	VỐN TRONG CÂN ĐỐI										
A	NGÂN SÁCH TỈNH PHÂN CẤP ĐẦU TƯ				61.310,038	18.480,000	18.480,000	8.153,645	8.153,645		Điều chuyển nguồn vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
A1	Vốn chuẩn bị đầu tư				2.180,000	1.000,000	600,000	400,000			Điều chuyển nguồn vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
A2	Giáo dục và đào tạo				1.900,000	1.600,000	1.715,710		115,710		
I	Các dự án chuyển tiếp										
II	Các dự án khởi công mới				1.900,000	1.600,000	1.715,710		115,710		
I	Trường TH Trần Phú (cơ sở 2); Hạng mục: xây mới nhà học 03 phòng bộ môn và thiết bị	Song An	2022	5407/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	1.900,000	1.600,000	1.715,710		115,710	BQL dự án đầu tư xây dựng	Dự án hoàn thành theo kế hoạch; bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
A3	Các hoạt động kinh tế				55.330,038	15.880,000	15.353,970	7.753,645	7.227,615		
A3.1	Giao thông				53.680,038	14.400,000	13.855,193	7.753,645	7.208,838		
I	Thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2021 chưa bố trí đủ vốn				10.500,000		3.677,681		3.677,681		
I	Đường Nguyễn Lữ (đoạn từ đường Ngô Thị Nhậm đến đường Võ Thị Sáu) Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	Tây Sơn	2021	298/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	10.500,000		3.677,681		3.677,681	BQL dự án đầu tư xây dựng	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Dự án chuyển tiếp				32.480,038	11.400,000	7.836,662	6.000,000	2.436,662		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng, năm ban hành	TMDT			Vốn giảm	Vốn tăng		
1	Hạ tầng giao thông khu đô thị An Tân Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	An Tân	2021-2022	4714/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	17.500,000	11.400,000	5.400,000	6.000,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Điều chuyển nguồn vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ đường Quang Trung đến ngã 5 Ngõ Mây) Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	An Phú, Tây Sơn, An Tân	2021-2022	296/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	14.980,038		2.436,662		2.436,662	BQL dự án đầu tư xây dựng	Điều chuyển nguồn vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
III	Dự án khởi công mới				10.700,000	3.000,000	2.340,850	1.753,645	1.094,495		
1	Đường Quy hoạch D3 khu trung tâm phường An Phước; Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	An Phước	2022-2023	5435/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	9.600,000	3.000,000	1.246,355	1.753,645		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giãn hoãn tiến độ dự án do nguồn thu không đảm bảo; giao UBND thị xã điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và bố trí vốn thực hiện sang năm 2023
2	Đường vào khu di tích sơ kỳ đá cũ khảo cổ Rộc Tung 4 Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Xuân An	2022	1599/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	1.100,000		1.094,495		1.094,495	BQL dự án đầu tư xây dựng	Điều chuyển nguồn vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
A3.2	Thủy lợi				1.650,000	1.480,000	1.498,777		18,777		
I	Các dự án chuyển tiếp										
II	Các dự án khởi công mới				1.650,000	1.480,000	1.498,777		18,777		
1	Đập Cây Ké, xã Xuân An; Hạng mục: Nạo vét, mở rộng lòng hồ và gia cố thân đập	Xuân An	2022	5572/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	1.650,000	1.480,000	1.498,777		18,777	BQL dự án đầu tư xây dựng	Dự án hoàn thành theo kế hoạch; bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
A4	Bảo vệ môi trường				1.900,000		810,320		810,320		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng, năm ban hành	TMDT			Vốn giảm	Vốn tăng		
I	Xử lý dứt điểm ô nhiễm tại Bãi rác thị xã An Khê	Song An	2022	1602/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.900,000		810,320		810,320	BQL dự án đầu tư xây dựng	Điều chuyển nguồn vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				190.358,400	102.379,000	46.079,000	59.735,077	3.435,077		Giảm kế hoạch vốn do hụt thu
B1	Vốn chuẩn bị đầu tư				5.412,000	800,000		800,000			Giảm kế hoạch vốn do hụt thu
B2	Quốc phòng				1.599,715	1.700,000	1.523,538	176,462			
I	Dự án chuyển tiếp										
II	Dự án khởi công mới				1.599,715	1.700,000	1.523,538	176,462			
I	Nhà làm việc BCH quân sự xã Song An Hạng mục: Nhà làm việc và các hạng mục khác	Song An	2022	2111/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	788,366	850,000	750,825	99,175		BQL dự án đầu tư xây dựng	Nhu cầu vốn thấp hơn so với kế hoạch
2	Nhà làm việc BCH quân sự xã Tú An Hạng mục: Nhà làm việc và các hạng mục khác	Tú An	2022	2110/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	811,349	850,000	772,713	77,287		BQL dự án đầu tư xây dựng	Nhu cầu vốn thấp hơn so với kế hoạch
B3	Các hoạt động kinh tế				181.446,685	66.395,000	25.131,356	41.263,644			
B3.1	Khu công nghiệp, khu kinh tế				20.383,375	17.146,000	8.349,325	8.796,675			
I	Dự án chuyển tiếp				20.383,375	17.146,000	8.349,325	8.796,675			
1	Hạ tầng cụm công nghiệp An Khê	An Bình	2017-2021	5272/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	20.383,375	17.146,000	8.349,325	8.796,675		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giãn hoãn tiến độ dự án do nguồn thu không đảm bảo; giao UBND thị xã thực hiện các thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và bố trí vốn thực hiện sang năm 2023
B3.2	Giao thông				115.106,038	31.616,000	12.267,000	19.349,000			
I	Thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2021 chưa bố trí đủ vốn				10.500,000	4.989,000	1.000,000	3.989,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng, năm ban hành	TMDT			Vốn giảm	Vốn tăng		
1	Đường Nguyễn Lữ (đoạn từ đường Ngô Thi Nhậm đến đường Võ Thị Sáu) Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	Tây Sơn	2021	298/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	10.500,000	4.989,000	1.000,000	3.989,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giám kế hoạch vốn do hụt thu
II	Dự án chuyển tiếp				28.506,038	15.727,000	6.600,000	9.127,000			
1	Đường Nguyễn Công Trứ nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Thiếp đến hẻm 66 Hoàng Văn Thụ) Hạng mục: Nền, mặt đường, bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	Tây Sơn	2017-2022	1160/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	13.526,000	6.637,000	6.637,000	6.637,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Dự án chậm tiến độ không có khả năng giải ngân trong năm
2	Đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ đường Quang Trung đến ngã 5 Ngõ Mây) Hạng mục: Nâng cấp, mở rộng mặt đường, bó vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	An Phú, Tây Sơn, An Tân	2021-2022	296/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	14.980,038	9.090,000	6.600,000	2.490,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giám kế hoạch vốn do hụt thu
III	Dự án khởi công mới				76.100,000	10.900,000	4.667,000	6.233,000			
1	Đường giao thông khu đô thị An Tân (giai đoạn 2); Hạng mục: Xây dựng mới 13 tuyến đường, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, cấp, thoát nước	An Tân	2022-2024	60/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	70.000,000	5.000,000		5.000,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giãn hoãn tiến độ dự án do nguồn thu không đảm bảo; giao UBND thị xã điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và bố trí vốn thực hiện sang năm 2023
2	Đường vào khu di tích sơ kỳ đá cũ khảo cổ Rộc Tung 4 Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Xuân An	2022	1599/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	1.100,000	1.100,000		1.100,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giám kế hoạch vốn do hụt thu

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng, năm ban hành	TMDT			Vốn giảm	Vốn tăng		
3	Đường vào Trung tâm huấn luyện BCH Quân sự thị xã An Khê Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	Song An	2022	1706/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	5.000,000	4.800,000	4.667,000	133,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Nhu cầu vốn thấp hơn so với kế hoạch
B3.3	Công trình công cộng				34.226,966	13.292,000	3.970,000	9.322,000			
I	Dự án chuyển tiếp				23.976,966	8.292,000	3.000,000	5.292,000			
1	Hạ tầng khu đô thị An Tân Hạng mục: San nền, hệ thống điện, nước	An Tân	2021-2022	4524/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	23.976,966	8.292,000	3.000,000	5.292,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giãn hoãn tiến độ dự án do nguồn thu không đảm bảo; giao UBND thị xã điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và bố trí vốn thực hiện sang năm 2023
II	Dự án khởi công mới				10.250,000	5.000,000	970,000	4.030,000			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị An Tân (giai đoạn 2); Hạng mục: San nền, ốp mái taluy hồ nước	An Tân	2022-2024	1875/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	10.250,000	5.000,000	970,000	4.030,000		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giãn hoãn tiến độ dự án do nguồn thu không đảm bảo; giao UBND thị xã điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và bố trí vốn thực hiện sang năm 2023
B3.4	Các nhiệm vụ quy hoạch				11.730,306	4.341,000	545,031	3.795,969			
I	Dự án chuyển tiếp				3.630,306	1.988,000	545,031	1.442,969			
1	Quy hoạch chi tiết khu dân cư phía Nam đường Phan Đình Giót	An Bình	2021-2022	1189/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	1.584,532	858,000	275,031	582,969		Phòng Quản lý đô thị	Giảm kế hoạch vốn do hụt thu
2	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Rộc Đá, phường An Phú, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Phú	2021-2022	1187/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	762,280	359,000		359,000		Phòng Quản lý đô thị	Giảm kế hoạch vốn do hụt thu
3	Quy hoạch chi tiết khu dân cư phường Ngõ Mây-An Tân, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Ngõ Mây	2021-2022	1188/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	1.283,494	771,000	270,000	501,000		Phòng Quản lý đô thị	Giảm kế hoạch vốn do hụt thu
II	Dự án khởi công mới				8.100,000	2.353,000		2.353,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng, năm ban hành	TMDT			Vốn giảm	Vốn tăng		
1	Quy hoạch phân khu phường An Bình (khu đô thị số 2)	An Bình	2022-2023		2.750,000	500,000		500,000		Phòng Quản lý đô thị	Giám kế hoạch vốn do hực thu
2	Quy hoạch phân khu: Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và phát huy "Di tích khảo cổ thời đại Đá cũ Rộc Tung, Gò Đá tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai"	Xuân An	2022-2023		2.050,000	667,000		667,000		Phòng Quản lý đô thị	Giám danh mục theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 28/7/2022
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm phường An Phước, thị xã An Khê	Xuân An	2022-2023		900,000	500,000		500,000		Phòng Quản lý đô thị	Giám kế hoạch vốn do hực thu
4	Quy hoạch phân khu đô thị khu vực phía Nam các phường An Tân, An Phú và Tây Sơn, thị xã An Khê	An Phú, An Tân, Tây Sơn	2022-2023		2.400,000	686,000		686,000		Phòng Quản lý đô thị	Giám kế hoạch vốn do hực thu
B4	Bảo vệ môi trường				1.900,000	1.900,000	1.089,680	810,320			
1	Xử lý đứr điểm ô nhiễm tại Bãi rác thị xã An Khê	Song An	2022	1602/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.900,000	1.900,000	1.089,680	810,320		BQL dự án đầu tư xây dựng	Giám kế hoạch vốn do hực thu
B5	Các nhiệm vụ khác					31.584,000	18.334,426	16.684,651	3.435,077		
1	Đền bù giải phóng mặt bằng					2.000,000	4.083,077		2.083,077	HĐ BTHTTĐC thị xã	Bổ sung vốn bồi thường dự án Trường THPT Nguyễn Khuyến (xây mới)
2	Nộp trả tiền ứng quỹ phát triển đất năm 2020 và 2021					28.497,000	12.094,349	16.402,651		Phòng Tài chính - Kế hoạch	Giám kế hoạch vốn phù hợp kế hoạch thanh toán trong năm
3	Trích nộp tình 10% tiền đất thực hiện dự án đo đạc tổng thể lập cơ sở dữ liệu địa chính (năm 2021 chưa nộp đủ)					1.087,000	805,000	282,000		Phòng Tài chính - Kế hoạch	Giám kế hoạch vốn phù hợp kế hoạch thanh toán trong năm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (xã, phường)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 sau điều chỉnh	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng, năm ban hành	TMDT			Vốn giảm	Vốn tăng		
4	Trích 80% số thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn các xã để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022						1.352,000		1.352,000		Giao UBND thị xã phân bổ danh mục chi tiết các dự án theo tiến độ thu thực tế đạt được trong năm
-	Xã Cửu An						237,000		237,000		
-	Xã Song An						568,000		568,000		
-	Xã Thành An						420,000		420,000		
-	Xã Tú An						29,000		29,000		
-	Xã Xuân An						98,000		98,000		
C	TÀNG THU, KẾT DƯ, TIẾT KIỆM CHI				14.331,899	5.000,000	4.998,417	1,583			
C1	Vốn chuẩn bị đầu tư										
C2	Các hoạt động kinh tế				14.331,899	5.000,000	4.998,417	1,583			
C2.1	Công trình công cộng khu đô thị				14.331,899	5.000,000	4.998,417	1,583			
I	Dự án chuyển tiếp										
II	Dự án khởi công mới				14.331,899	5.000,000	4.998,417	1,583			
1	Hệ thống điện chiếu sáng thị xã; Hàng mục: Lắp đặt điện chiếu sáng trên 07 tuyến đường nội thị	An Phú, Tây Sơn, An Tân	2022-2024	5436/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.331,899	5.000,000	4.998,417	1,583		BQL dự án đầu tư xây dựng	Nhu cầu vốn thấp hơn so với kế hoạch

Ka